

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GREEN VOYAGES VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
GREEN VOYAGES VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN VOYAGES VIETNAM
INTERNATIONAL TRADING COMPANY LIMITEDD

Tên công ty viết tắt: GREEN VOYAGES VIETNAM INTERNATIONAL TRADING
CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110866271

3. Ngày thành lập: 17/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

C11 BT5 Khu Đô Thị Việt Hưng, Phố Lưu Khánh Đàm, Phường Giang Biên, Quận
Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971321223

Fax:

Email: congyvietnamgreenvoyages@gmail.com Website:
mail.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Phá dỡ	4311
10.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
11.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
13.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4511
17.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4512

18.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4513
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
20.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4541
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4543
22.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá - Môi giới mua bán hàng hoá (Loại trừ hoạt động đầu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610
23.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
24.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
25.	Bán buôn thực phẩm	4632
26.	Bán buôn đồ uống	4633
27.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
28.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
29.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
35.	Bán buôn tổng hợp (Trừ Bán buôn dược phẩm; phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp và những mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: -Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) -Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) -Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar và thuốc lá nhập khẩu)	4711
37.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: -Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) -Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) -Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ rượu - Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
41.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
42.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
43.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
44.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
45.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
50.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
51.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
52.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
55.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
57.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ Hoạt động của đầu giá viên)	4789
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ Hoạt động của đầu giá viên)	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ Hoạt động của đầu giá viên)	4799

61.	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: Đại lý vận tải hành khách đường sắt	4911
62.	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Đại lý vận tải hàng hoá	4912
63.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
64.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
65.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi; - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt	4931
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: -Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng -Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ	4933
69.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
70.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
71.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
72.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
73.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản và kinh doanh kho bãi)	5210
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
77.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229(Chính)
80.	Chuyến phát	5320
81.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thi công xây dựng công trình; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Kiến trúc phong cảnh: thiết kế cảnh quan, tạo hình các loại Bonsai, hòn non bộ. (Điều 70 Nghị định 15/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng)	7110
82.	Quảng cáo Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ quảng cáo (Doanh nghiệp không được thực hiện quảng cáo thuốc lá và rượu; không được thực hiện hoạt động in ấn và phát hành các ấn phẩm)	7310
83.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
84.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội ngoại thất; - Thiết kế hệ thống hồ cá cảnh. (Điều 70 Nghị định 15/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) (Không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế phương tiện vận tải)	7410
85.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Mua bán hàng hoá quốc tế - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299

